

Số: 53/2025/QĐST-DS

Thành phố Vinh Long, ngày 11 tháng 6 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 336/2024/TLST-DS, ngày 08 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; nơi cư trú: Số E, đường P, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Bùi Văn K, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số A, đường B, Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (văn bản ủy quyền ngày 18/7/2024).

- *Bị đơn:*

1. Anh Trương Khắc L, sinh năm: 1988; nơi cư trú: Số F, đường B, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn anh Trương Khắc L: Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số A, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (văn bản ủy quyền ngày 27/11/2024).

2. Ông Nguyễn Văn Bé N, sinh năm 1961.

3. Bà Dương Ngọc T2, sinh năm: 1972.

Cùng nơi cư trú: Số B, khóm V, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Dương Ngọc T2: Chị Nguyễn Thị Kiều L1, sinh năm 1997; nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; nơi ở hiện tại: Số A, đường N, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (văn bản ủy quyền ngày 27/11/2024).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thảo L2, sinh năm 1972.

2. Ông Hồ Hùng C, sinh năm 1969.

Cùng nơi cư trú: Số F, đường N, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà Trần Kim D, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Ông Trần Văn N1, sinh năm 1970.

5. Em Trần Dương Ngọc T3, sinh năm 2011.

Người đại diện theo pháp luật của em Trần Dương Ngọc T3: Bà Dương Ngọc T2, sinh năm 1972.

Cùng nơi cư trú: Số B, khóm V, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nội dung:

- Vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 10/4/2017 giữa bà Dương Ngọc T2, ông Trần Văn N1 và chị Trần Kim D đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 27, diện tích 77,7m², tọa lạc xã T (nay là phường T), thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/11/2018 giữa chị Trần Kim D và bà Nguyễn Thị Thảo L2 đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 27, diện tích 77,7m², tọa lạc xã T (nay là phường T), thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 28/02/2022 giữa bà Nguyễn Thị Thảo L2, ông Hồ Hùng C và chị Trần Kim D đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 27, diện tích 77,7m², tọa lạc xã T (nay là phường T), thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/3/2022 giữa chị Trần Kim D và anh Trương Khắc L đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 27, diện tích 77,7m², tọa lạc xã T (nay là phường T), thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/3/2022 giữa anh Trương Khắc L và ông Nguyễn Văn T đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 27, diện tích 77,7m², tọa lạc phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Vô hiệu tờ thỏa thuận chuyển nhượng đất ngày 30/3/2022 giữa bà Dương Ngọc T2 và anh Trương Khắc L đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 27, diện tích 77,7m², tọa lạc phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Vô hiệu hợp đồng thuê nhà ngày 30/3/2022 giữa anh Trương Khắc L và bà Dương Ngọc T2 đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 27, diện tích 77,7m², tọa lạc phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Vô hiệu hợp đồng thuê nhà ngày 09/01/2023 giữa ông Nguyễn Văn T và anh Trương Khắc L đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 27, diện tích 77,7m², tọa lạc phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bà Dương Ngọc T2 và ông Nguyễn Văn Bé N có nghĩa vụ trả cho anh Trương Khắc L số tiền vốn là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 49.800.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 149.800.000 đồng (một trăm bốn mươi chín triệu tám trăm ngàn đồng).

- Anh Trương Khắc L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền vốn là 345.000.000 đồng và tiền lãi là 160.356.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 505.356.000 đồng (năm trăm lẻ năm triệu ba trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

Công nhận thửa đất 104, tờ bản đồ số 27, diện tích 77,7m², tọa lạc phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long và căn nhà cấp 4, vách tường, mái tole gắn liền trên thửa đất 104 cho bà Dương Ngọc T2 quản lý sử dụng. Bà T2 được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký theo quy định.

2.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T tự nguyện chịu 1.000.000 đồng và đã nộp xong.

2.3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Tỷ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007127 ngày 01/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Ông Nguyễn Văn Bé N được miễn án phí dân sự sơ thẩm do người cao tuổi.

Bà Dương Ngọc T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.012.500 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007389 ngày 04/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Bà T2 còn phải nộp số tiền 1.712.500 đồng.

Anh Trương Khắc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.107.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.170.000

đồng theo biên lai thu số 0007732 ngày 12/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Anh L còn phải nộp số tiền 7.937.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TPVL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Hải Châu